

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN		Mã	Thuyết	31/12/2011	31/12/2010
		số	minh	VND	VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.152.877.195.873</b>	<b>963.929.555.880</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.810.732.866</b>	<b>17.120.367.903</b>
1.	Tiền	111	5	4.810.732.866	17.120.367.903
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>48.576.147.554</b>	<b>51.129.707.554</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	6	48.576.147.554	51.129.707.554
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>686.046.209.700</b>	<b>540.720.474.674</b>
1.	Phải thu của khách hàng	131		451.872.205.202	241.197.835.377
2.	Trả trước cho người bán	132		104.573.366.683	152.261.690.828
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	129.600.637.815	147.260.948.469
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>386.155.241.345</b>	<b>333.230.064.606</b>
1.	Hàng tồn kho	141	8	386.155.241.345	333.230.064.606
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.288.864.408</b>	<b>21.728.941.143</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.044.862.688	924.560.915
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.780.597.719	6.064.397.469
3.	Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	1.697.436.215	515.766.880
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	19.765.967.786	14.224.215.879
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>736.275.658.890</b>	<b>474.993.536.029</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>578.506.964.967</b>	<b>387.122.866.636</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	182.595.973.992	97.382.256.704
	- Nguyên giá	222		230.601.834.583	132.971.557.958
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.005.860.591)	(35.589.301.254)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	4.725.351.640	7.265.646.574
	- Nguyên giá	225		9.599.509.493	12.186.724.645
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.874.157.853)	(4.921.078.071)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	14	95.512.714.633	95.533.115.757
	- Nguyên giá	228		95.795.093.510	95.712.728.510
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(282.378.877)	(179.612.753)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	295.672.924.702	186.941.847.601
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	16	<b>66.720.417.973</b>	<b>66.720.417.973</b>
	- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>79.404.226.575</b>	<b>15.600.000.000</b>
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.341.010.169	
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	17	71.063.216.406	15.600.000.000
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.644.049.375</b>	<b>5.550.251.420</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.661.551.292	3.827.019.819
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.648.698.083	882.031.601
3.	Tài sản dài hạn khác	268	19	333.800.000	841.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>1.889.152.854.763</b>	<b>1.438.923.091.909</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
			VND	VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.357.257.786.045</b>	<b>941.847.896.450</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>897.902.510.225</b>	<b>825.585.475.497</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	397.316.680.092	337.947.162.219
2. Phải trả cho người bán	312		226.019.312.298	227.266.909.313
3. Người mua trả tiền trước	313		31.792.333.721	12.826.438.797
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	27.682.568.556	25.215.217.113
5. Phải trả người lao động	315		4.515.410.085	3.884.742.222
6. Chi phí phải trả	316	22	22.619.978.042	4.892.098.219
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	187.234.240.791	213.167.606.080
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		721.986.640	385.301.534
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>459.355.275.820</b>	<b>116.262.420.953</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	237.079.897.832	108.067.242.274
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	25	8.548.377.988	7.868.178.679
4. Chứng khoán phát Hành	339		213.400.000.000	
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>424.406.239.795</b>	<b>397.862.742.199</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>424.406.239.795</b>	<b>397.862.742.199</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	352.107.080.000	291.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.442.712.000	13.335.942.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	395.444.554	797.041.140
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	26	13.074.832.555	6.303.832.983
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	26	4.192.390.105	1.667.966.786
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	51.193.780.581	84.757.959.290
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>107.488.828.923</b>	<b>99.212.453.260</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>1.889.152.854.763</b>	<b>1.438.923.091.909</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
	Ngoại tệ các loại	USD 2.797,88	84.497,19

Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu



Trần Thị Tinh Tú


**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và CCDV</b>	<b>01</b>	27	<b>338.726.446.235</b>	<b>235.746.161.122</b>	<b>965.623.704.682</b>	<b>1.055.178.724.160</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	24.695.000	38.188.814	5.557.161.385	71.146.501
Doanh thu thuần về BH và CCD	10	27	338.701.751.235	235.707.972.308	960.066.543.297	1.055.107.577.659
Giá vốn hàng bán	11	28	317.451.013.216	210.151.431.935	842.710.470.992	923.888.752.546
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV</b>	<b>20</b>		<b>21.250.738.019</b>	<b>25.556.540.373</b>	<b>117.356.072.305</b>	<b>131.218.825.113</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	11.059.947.028	1.205.630.309	29.520.164.186	5.156.893.113
Chi phí tài chính	22	30	16.430.812.569	7.325.377.905	65.259.481.878	24.179.114.109
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.057.429.157	6.698.902.602	42.563.998.877	23.828.616.877
Chi phí bán hàng	24		998.209.242	1.984.131.672	3.559.525.235	5.198.495.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.784.338.086	8.688.292.012	31.184.217.761	24.752.005.630
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.097.325.150</b>	<b>8.764.369.093</b>	<b>46.873.011.617</b>	<b>82.246.103.088</b>
Thu nhập khác	31	31	487.184.938	2.461.112.121	4.492.763.853	1.803.123.569
Chi phí khác	32	32	368.492.401	1.228.410.094	4.946.848.346	1.889.502.460
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>118.692.537</b>	<b>1.232.702.027</b>	<b>(454.084.493)</b>	<b>(86.378.891)</b>
<b>Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>			-	<b>(559.755.831)</b>	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	33	<b>7.216.017.687</b>	<b>9.997.071.120</b>	<b>45.859.171.293</b>	<b>82.159.724.198</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	2.257.326.179	(2.451.751.183)	14.049.157.987	12.528.105.656
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(12.064.824)	228.033.012	(1.831.487.005)	(488.267.415)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	33	<b>4.970.756.332</b>	<b>12.220.789.291</b>	<b>33.641.500.311</b>	<b>70.119.885.957</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		930.446.636	3.510.443.773	2.681.267.999	4.407.076.178
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		4.040.309.696	8.710.345.518	30.960.232.312	65.712.809.779
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	114,75	299,00	879,28	2.258,17

Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu  
  
Trần Thị Tinh Tú

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	786.623.312.452	1.079.370.207.288
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(884.158.175.837)	(1.040.253.710.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.469.930.642)	(33.246.479.283)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(70.567.190.140)	(22.289.432.908)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(5.060.807.079)	(3.850.530.378)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	621.274.932.902	193.307.014.284
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(654.669.139.889)	(230.002.887.090)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(242.026.998.233)</b>	<b>(56.965.818.822)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(178.379.997.710)	(120.433.438.076)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	31.239.313.612	271.278.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.948.440.000)	(70.283.750.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	23.993.270.000	23.142.609.330
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.844.500.000)	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.307.099.824	8.719.910.795
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(151.633.254.274)</b>	<b>(158.583.389.406)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	17.925.163.077	76.754.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	946.974.607.236	605.785.358.474
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(580.703.776.134)	(460.892.188.813)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.313.345.000)	(2.680.700.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.859.000)	(3.015.975)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>381.880.790.179</b>	<b>218.963.453.686</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(11.779.462.328)</b>	<b>3.414.245.458</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.120.367.903</b>	<b>13.438.427.649</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(530.172.709)</b>	<b>267.694.796</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.810.732.866</b>	<b>17.120.367.903</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Kế toán trưởng**



Nguyễn Thanh Tùng

**Người lập biểu**



Trần Thị Tinh Tú

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/04/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

### **Các Công ty con được hợp nhất**

#### **✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **✓ Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **✓ Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
  - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
  - Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 56,56%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
  - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên**
- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### ✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### ✓ **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### ✓ **Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bé Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
  - Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.
- ✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
  - Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
  - Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.
- ✓ **Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
  - Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Công trình đường bộ, thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, giao thông, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất (không bao gồm hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng). Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện (không bao gồm môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản). Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công các công trình thủy điện lớn và các công trình vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp. Đầu tư cung cấp nước sạch, chế biến vật liệu xây dựng. Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch sinh thái. Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông. Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **Các Công ty liên kết**

#### **✓ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **✓ Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

### **4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.13 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.14 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.  
Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
  - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
  - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.480.305.523	11.772.542.543
Tiền gửi ngân hàng	1.330.427.343	5.347.825.360
<b>Cộng</b>	<b>4.810.732.866</b>	<b>17.120.367.903</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn khác(gửi tiết kiệm ngân hàng)	-	2.600.000.000
Cho vay ngắn hạn	48.576.147.554	48.529.707.554
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.576.147.554</b>	<b>51.129.707.554</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	211.857.144
Các khoản phải thu khác	129.600.637.815	147.049.091.325
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>129.600.637.815</b>	<b>147.260.948.469</b>

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	110.163.892.653	98.336.944.914
Công cụ dụng cụ	250.623.893	453.845.756
Chi phí SXKD dở dang	159.917.175.624	121.300.143.998
Thành phẩm	31.719.831.445	22.076.438.884
Hàng hóa	84.103.717.730	91.062.691.054
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>386.155.241.345</b>	<b>333.230.064.606</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.372.810.369	360.526.436
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	672.052.319	564.034.479
<b>Cộng</b>	<b>2.044.862.688</b>	<b>924.560.915</b>

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT nộp thừa		515.766.880
- Thuế GTGT	1.321.552.994	290.360.471
- Thuế xuất, nhập khẩu	220.124.541	220.124.541
- Thuế Thu nhập DN	-	5.003.334
+ Tiền thuế đất, thuế nhà đất	155.758.680	
- Thuế TNCN	-	278.534
<b>Cộng</b>	<b>1.697.436.215</b>	<b>515.766.880</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	19.750.467.786	13.216.015.879
Bảo đảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Gia Lai	0	1.000.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.500.000	8.200.000
<b>Cộng</b>	<b>19.765.967.786</b>	<b>14.224.215.879</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	82.352.816.923	25.868.845.134	23.791.775.702	958.120.199	132.971.557.958
Tăng trong năm	50.786.367.538	7.592.473.436	41.264.375.695	691.566.017	100.334.782.686
Giảm trong năm	-	-	2.704.506.061	-	2.704.506.061
<b>Số cuối năm</b>	<b>133.139.184.461</b>	<b>33.461.318.570</b>	<b>62.351.645.336</b>	<b>1.649.686.216</b>	<b>230.601.834.583</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	18.601.488.704	9.599.835.657	6.997.013.106	390.963.787	35.589.301.254
Tăng trong năm	4.248.436.624	2.931.439.395	5.111.852.386	333.856.838	12.625.585.243
Giảm trong năm	-	-	209.025.906	-	209.025.906
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.849.925.328</b>	<b>12.531.275.052</b>	<b>11.899.839.586</b>	<b>724.820.625</b>	<b>48.005.860.591</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	63.751.328.219	16.269.009.477	16.794.762.596	567.156.412	97.382.256.704
<b>Số cuối năm</b>	<b>110.289.259.133</b>	<b>20.930.043.518</b>	<b>50.451.805.750</b>	<b>924.865.591</b>	<b>182.595.973.992</b>

### 13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.611.142.857	4.575.581.788	12.186.724.645
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	50.000.000	2.537.215.152	2.587.215.152
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.561.142.857</b>	<b>2.038.366.636</b>	<b>9.599.509.493</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	3.196.221.020	1.724.857.051	4.921.078.071
Tăng trong năm	882.984.367	457.159.187	1.340.143.554
Giảm trong năm	50.000.000	1.337.063.772	1.387.063.772
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.029.205.387</b>	<b>844.952.466</b>	<b>4.874.157.853</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.414.921.837	2.850.724.737	7.265.646.574
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.531.937.470</b>	<b>1.193.414.170</b>	<b>4.725.351.640</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	95.255.882.814	456.845.696	95.712.728.510
Tăng trong năm	-	82.365.000	82.365.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>539.210.696</b>	<b>95.795.093.510</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	179.612.753	179.612.753
Tăng trong năm	-	102.766.124	102.766.124
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>282.378.877</b>	<b>282.378.877</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	95.255.882.814	277.232.943	95.533.115.757
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>256.831.819</b>	<b>95.512.714.633</b>

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các dự án cao su	125.773.643.208	60.593.809.707
Các dự án bến xe	80.328.890.230	77.486.401.756
Các dự án thủy điện	12.885.296.223	40.073.095.282
Các dự án mỏ	3.660.991.837	1.711.225.265
Dự án Trường học	17.427.273	0
Dự án công trình đường	51.786.810.609	5.778.877.653
Mua sắm tài sản cố định	21.219.865.322	1.298.437.938
<b>Cộng</b>	<b>295.672.924.702</b>	<b>186.941.847.601</b>

### 16. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>- Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>8.341.010.169</b>	
+ Góp vốn cho Cty TVTK Xây dựng giao thông Gia Lai	8.341.010.169	
<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>71.063.216.406</b>	<b>15.600.000.000</b>
+ Góp vốn vào công ty Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Công ty CP Dịch vụ công công Đức Long Bảo Lộc	21.765.000.000	
+ Trái phiếu ngân hàng công thương	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn(13 tháng)	1.000.000.000	
+ Cho cá nhân vay	32.698.216.406	
<b>Cộng</b>	<b>79.404.226.575</b>	<b>15.600.000.000</b>

(i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 30/09/2011 là: 5.600.000.000 đồng (tương đương 56.000 cổ phần), chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2011. Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này được ghi nhận theo giá gốc.

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.014.920.929	3.299.125.010
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	646.630.363	527.894.809
<b>Cộng</b>	<b>8.661.551.292</b>	<b>3.827.019.819</b>

**19. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Khoản ký quỹ, ký cược(Công ty cho thuê Tài chính II)	149.400.000	750.200.000
Khoản ký quỹ môi trường	184.400.000	91.000.000
<b>Cộng</b>	<b>333.800.000</b>	<b>841.200.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>370.447.231.818</b>	<b>312.729.326.219</b>
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	47.121.000.000	47.831.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	310.290.224.826	221.977.638.937
- Ngân hàng Kỹ Thương - CN Gia Lai	2.129.996.000	
- Ngân hàng GPBank - CN Gia Lai	400.000.000	
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	6.635.000.000	6.630.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	-	19.800.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	-	14.397.123.380
- Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - CN Gia Lai	312.000.000	
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và PT Đăknong	850.000.000	476.630.000
- Vay cá nhân	2.709.010.992	1.616.933.902
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>26.869.448.274</b>	<b>25.217.836.000</b>
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	-	250.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	25.351.648.274	20.480.000.000
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và PT Đăknong	415.000.000	
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	-	312.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	-	290.736.000
- Ngân hàng Thương mại CP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất	1.000.800.000	1.000.800.000
- Công ty cho thuê tài chính II tại khánh Hòa	102.000.000	2.884.300.000
<b>Cộng</b>	<b>397.316.680.092</b>	<b>337.947.162.219</b>

### 21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
+ Thuế GTGT đầu ra	3.701.614.713	10.708.085.251
+ Thuế Thu nhập cá nhân	192.608.113	60.359.595
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.722.776.366	11.837.335.877
+ Thuế Tài nguyên	323.613.732	99.936.390
+ Tiền thuế đất, thuế nhà đất	2.621.521.500	2.509.500.000
+ Tiền xuất nhập khẩu	0	
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	120.434.132	
<b>Cộng</b>	<b>27.682.568.556</b>	<b>25.215.217.113</b>

### 22. Chi phí phải trả

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	21.711.978.042	1.507.683.969
- Trích trước chi phí hạng mục CT cây xăng	0	3.159.090.909
- Chi phí khác	908.000.000	225.323.341
<b>Cộng</b>	<b>22.619.978.042</b>	<b>4.892.098.219</b>

### 23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	674.095.287	41.678.184
+ Bảo hiểm thất nghiệp	58.150.007	34.337.424
+ <i>Kinh phí công đoàn</i>	37.638.396	16.724.126
+ <i>Tạm ứng(dư có)</i>	8.153.997	15.329.195
+ <i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	239.400.000	215.800.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	771.087.955	770.971.755
+ Các khoản phải trả. Phải nộp khác	185.445.715.149	212.072.765.396
<b>Cộng</b>	<b>187.234.240.791</b>	<b>213.167.606.080</b>

### 24. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
a. Vay dài hạn	236.588.497.832	104.723.142.274
+ <i>Ngân hàng Công thương Gia Lai(1)</i>	65.708.000.000	16.785.000.000
+ <i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai(2)</i>	123.430.152.300	61.613.172.274
+ <i>Ngân hàng Sài Gòn thương Tín CN Gia Lai(3)</i>	-	312.000.000
+ <i>Ngân hàng TMCP Việt A - CN Quảng Ngãi(4)</i>	27.074.803.000	22.535.803.000
+ <i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Gia Lai(5)</i>	514.771.000	644.767.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Vay và nợ dài hạn(Tiếp theo)

+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển DakNong(6)	1.162.830.000	
+ Ngân hàng Sacombank(7)	12.554.400.000	
+ Chi nhánh TPHCM công ty Tài chính cổ phần Điện lực	4.311.941.532	
+ Ngân hàng TMCP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất(8)	1.831.600.000	2.832.400.000
b. Nợ dài hạn	491.400.000	3.344.100.000
- CN Công ty Thuế tài chính II tại Khánh Hòa	491.400.000	3.344.100.000
<b>Cộng</b>	<b>237.079.897.832</b>	<b>108.067.242.274</b>

### 25. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
- Doanh thu bán căn hộ	7.803.832.531	6.482.339.634
- Doanh thu cho thuê cây xăng	744.545.457	486.818.176
- Doanh thu dịch vụ bảo vệ	-	46.741.417
- Lãi trái phiếu Ngân hàng Công Thương	-	852.279.452
<b>Cộng</b>	<b>8.548.377.988</b>	<b>7.868.178.679</b>

### 26. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu Tu phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>(123.938.157)</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>453.469.926</b>	<b>21.902.760.955</b>
Tăng trong năm			1.201.252.047		1.214.496.860	
Lợi nhuận tăng trong năm						65.712.809.779
Giảm trong kỳ			280.272.750			2.857.611.444
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>797.041.140</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>1.667.966.786</b>	<b>84.757.959.290</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>797.041.140</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>1.667.966.786</b>	<b>84.757.959.290</b>
Tăng trong kỳ	61.107.080.000	-	331.942.613	6.770.999.572	2.524.423.319	
Lợi nhuận tăng trong kỳ						30.960.232.313
Giảm trong kỳ	-	9.893.230.000	1.824.755.199	-	-	64.524.411.022
<b>Số dư tại 30/09/2011</b>	<b>352.107.080.000</b>	<b>3.442.712.000</b>	<b>395.444.554</b>	<b>13.074.832.555</b>	<b>4.192.390.105</b>	<b>51.193.780.581</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>b. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu thường	35.210.708	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>965.623.704.682</b>	<b>1.055.178.724.160</b>
- Doanh thu căn hộ	460.827.861	5.477.995.460
- Doanh thu bán hàng	747.589.325.804	773.421.060.266
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.262.502.668	34.717.794.064
- Doanh thu khác	174.311.048.349	241.561.874.370
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.557.161.385</b>	<b>71.146.501</b>
- Hàng bán bị trả lại(sản phẩm từ gỗ)	79.165.925	24.969.000
- Giảm giá hàng bán	5.477.995.460	46.177.501
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>960.066.543.297</b>	<b>1.055.107.577.659</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	<b>842.710.470.992</b>	<b>923.888.752.546</b>
- Giá vốn căn hộ	(5.758.345.157)	5.103.014.701
- Giá vốn bán hàng	705.252.320.779	747.177.380.731
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	26.168.659.550	18.143.801.205
- Giá vốn khác	117.047.835.820	153.464.555.909
<b>Cộng</b>	<b>842.710.470.992</b>	<b>923.888.752.546</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.422.134.466	3.785.817.432
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	515.741.268	265.115.382
Cổ tức lợi nhuận được chia	364.509.000	520.010.000
Chuyển nhượng cổ phiếu	-	585.241.779
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.217.779.452	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	708.520
<b>Cộng</b>	<b>29.520.164.186</b>	<b>5.156.893.113</b>

### 30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	42.563.998.877	23.828.616.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.213.491.469	310.748.162
Lãi trái phiếu	20.806.500.000	-
Lãi thuê tài chính	675.491.532	39.749.070
<b>Cộng</b>	<b>65.259.481.878</b>	<b>24.179.114.109</b>

### 31. Thu nhập khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	2.784.578.356	270.340.944
Thu bán phế liệu	-	1.065.862.747
Thu cho thuê tài sản	1.133.057.358	-
Thu khác	575.128.139	466.919.878
<b>Cộng</b>	<b>4.492.763.853</b>	<b>1.803.123.569</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 32. Chi phí khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	2.575.552.450	265.917.200
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	299.167.062	757.920.275
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	62.471.615	109.280.000
Chi phí khác	2.009.657.219	756.384.985
<b>Cộng</b>	<b>4.946.848.346</b>	<b>1.889.502.460</b>

### 33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.859.171.293</b>	<b>82.159.724.198</b>
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	(10.818.218.494)	3.303.833.746
Điều chỉnh tăng	665.772.208	3.823.843.746
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	405.876.497	823.874.452
+ Khoản chi ủng hộ các quỹ	0	2.600.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	259.895.711	1.669.254.023
+ Chi phí lãi vay do chưa góp đủ vốn điều lệ	0	1.328.115.271
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	11.483.990.702	520.010.000
+ Cổ tức được nhận	11.483.990.702	520.010.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>35.040.952.799</b>	<b>85.463.557.944</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.912.204.787	12.263.222.043
Thuế TNDN được giảm (ưu đãi đầu tư) 50%	863.046.800	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước điều chỉnh trong năm nay		264.883.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	14.049.157.987	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.831.487.005	(488.267.415)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>33.641.500.311</b>	<b>70.119.885.957</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.960.232.312	65.712.809.779
Các khoản điều chỉnh để xác định LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	30.960.232.312	65.712.809.779
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.210.708	29.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>879,28</b>	<b>2.258,17</b>

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu



Trần Thị Tinh Tú